

Bản án số: **143** /2019/DS-PT
Ngày: 20-9-2019
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phượng

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Toàn

Ông Trần Vĩnh Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên
Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Đào
Văn Dũng - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 157/2019/QĐ-PT ngày 29 tháng 7 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 323/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hồng N, sinh năm 1949;

HKTT: Khu phố Hiệp Lực, thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp 7, xã Phú Ngọc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: Ấp 1, xã La Ngà, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Văn L, sinh năm 1943;

Nơi cư trú: Ấp 1, xã La Ngà, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Trần G, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: 200, khu phố 114, thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, Đồng Nai.

3. Ông Trần Xuân K, sinh năm 1968;

Nơi cư trú: Ấp 2, xã Phú Ngọc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Phạm Văn B, sinh năm 1950;

Nơi cư trú: Ấp Đồng Xoài, xã Túc Trung, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1950;

Nơi cư trú: Ấp 1, xã La Ngà, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Hồng N – Nguyên đơn.

(Ông N, ông L có mặt, các ông Đ, G, K, B, T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo án sơ thẩm, nguyên đơn - ông Nguyễn Hồng N trình bày:*

Ngày 04/3/2010, ông Nguyễn Hồng N có nhận sang nhượng lại quyền khai thác, đánh bắt cá đối với một ao có diện tích khoảng 12.000 m² (gọi tắt là ao 12ha) của ông Phạm Văn B tại Suối Tràn, xã La Ngà, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai với số tiền 60.000.000 đồng. Sau khi nhận sang nhượng quyền khai thác ao, ông N cho ông Trần G và ông Trần Xuân K hùn vốn để cùng khai thác ao. Ông G đã đưa cho ông N số tiền 20.000.000 đồng, do ông K khó khăn về kinh tế nên ông K chỉ đóng góp công sức. Tổng số tiền ông N và ông G đầu tư vào ao 12ha là 172.000.000 đồng. Ngày 21/11/2011, ông G, ông K đã viết giấy cam kết rút toàn bộ cổ phần đầu tư ao 12ha, ông N có nghĩa vụ thanh toán cho ông G số tiền 96.849.000 đồng (gồm 62.849.000 đồng tiền đầu tư ao 12ha và 34.000.000 đồng tiền đầu tư ao khác). Khoảng 04 tháng sau, ông N tìm người mua ao 12ha thì được biết ông G đã bán ao 12ha cho anh Lê Văn Đ. Đến khoảng năm 2014, ông N đến Ủy ban nhân dân xã La Ngà đăng ký diện tích ao để làm cơ sở đóng thuế, khi đoàn đo đạc xuống đo ao 12ha thì anh Đ ra ngăn cản và nói ao 12ha ông G đã bán cho ông L (cha anh Đ).

Ông N thừa nhận đã được Tòa án giải thích quy định của pháp luật về việc yêu cầu ông xác định đúng đối tượng khởi kiện (người bị kiện) và yêu cầu khởi kiện để bảo vệ quyền lợi cho mình. Tuy nhiên, ông N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, chỉ

khởi kiện anh Đ vì anh Đ là người đã ngăn cản không cho ông N và đoàn đo đạc tiến hành đo ao 12ha, đồng thời trong hợp đồng thuê ao 12ha của ông G có anh Đ ký tên.

Ông N yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ thanh toán cho ông N số tiền đầu tư ao 12ha tổng là 392.000.000đ (ba trăm chín mươi hai triệu đồng), gồm tiền đầu tư ao 172.000.000 đồng và tiền thu lợi nhuận từ ao trong 05 năm là 220.000.000 đồng.

Ông N không yêu cầu anh Đ phải bồi thường thiệt hại cũng như không có yêu cầu gì khác.

- Theo án sơ thẩm, bị đơn - anh Lê Văn Đ trình bày:

Trong hợp đồng thuê ao 12ha ngày 23/3/2012 giữa ông Trần G với ông Lê Văn L (cha ruột anh Đ) và anh Lê Văn Đ cùng ký hợp đồng thuê ao nhưng trên thực tế anh Đ không trực tiếp quản lý, sử dụng và khai thác ao. Sau khi thuê ao 12ha thì ông L đã nhận sang nhượng lại quyền khai thác, sử dụng ao 12ha của ông G với số tiền 50.000.000 đồng và từ đó ông L là người trực tiếp quản lý, sử dụng, khai thác ao 12ha.

Anh Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông N và đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông N.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Trần G trình bày:

Nguồn gốc ao 12ha là do ông G, ông Trần Xuân K và ông Nguyễn Hồng N hùn vốn mua của ông Phan Văn B với số tiền 60.000.000 đồng để cùng khai thác đánh bắt cá (theo hợp đồng sang nhượng ao nuôi trồng thủy sản giữa ông Trần G, ông Trần Xuân K và vợ chồng ông Phan Văn B và bà Phạm Kim Thành vào ngày 05/03/2010). Do không còn nhu cầu khai thác cá nên giữa ông G, ông K và ông N thỏa thuận để ông N bán ao, nếu ông N bán được ao 12ha thì ông N sẽ thanh toán tiền đầu tư ao cho ông G (gồm 20.000.000 đồng tiền mua ao, 100.000.000 đồng tiền đầu tư vào ao 12ha và tiền đầu tư nuôi cá các ao khác). Do ông N chưa bán được ao nên chưa thanh toán tiền đầu tư ao 12ha cho ông G.

Ngày 23/3/2012, ông G cho ông L thuê ao 12ha theo hợp đồng thuê ao do ông N cung cấp cho Tòa án. Ông G xác định khi ông L thuê ao của ông G thì chỉ có một mình ông L đứng ra thuê, trong hợp đồng thuê ao có tên anh Lê Văn Đ (con ông L) là vì tại thời điểm lập hợp đồng do ông L bị bệnh nên ông G đã ghi tên anh Đ vào để anh Đ chạy tới chạy lui trong việc giao tiền hoàn thiện hợp đồng. Sau khi thuê ao, chỉ có mình ông L là người trực tiếp quản lý, sử dụng và khai thác ao 12ha. Khoảng đầu năm 2013, ông G đã chuyển nhượng ao 12 ha trên cho ông L theo giấy bán ao mà ông L đã cung cấp cho Tòa án.

Việc ông N khởi kiện anh Lê Văn Đ không liên quan gì đến ông G nên ông G không có ý kiến hay yêu cầu gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Lê Văn L trình bày:

Ngày 23/3/2012, ông Lê Văn L có thuê ao 12ha của ông G giữa hai bên có lập hợp đồng thuê ao. Sau khi thuê ao của ông G, ông L trực tiếp đánh bắt thủy sản tại ao thuê của ông G. Khoảng 01 năm sau, ông L mua lại ao 12ha trên của ông G. Khi mua, hai bên có lập giấy bán ao 12ha với số tiền 50.000.000 đồng, ông L đưa trước cho ông G 20.000.000 đồng còn lại 30.000.000 đồng đã trả hết ông G vào ngày 01/6/2013. Sau khi mua ao 12 ha của ông G, ông L là người trực tiếp sử dụng và khai thác ao 12 ha đánh bắt thủy sản cho đến nay. Anh Đ chỉ cùng ký tên với ông L trong hợp đồng thuê ao để tiện cho việc đi lại giao tiền cho ông G chứ không trực tiếp sử dụng ao cùng ông L. Hiện nay, anh Đ đang làm công nhân ở thành phố Biên Hòa.

Khi ông G cho thuê và bán ao 12ha cho ông L thì ông G có cung cấp và đưa cho ông các giấy tờ gồm: Hợp đồng thuê ao của ông Bùi Văn Nghiệp với Công ty thủy sản; giấy chuyển nhượng ao của ông Nghiệp cho ông Phạm Văn B và giấy chuyển nhượng ao của ông B cho ông G để chứng minh ông G là chủ ao 12ha. Ông L tin ông G là chủ ao 12ha nên đã mua ao của ông G, quá trình mua bán ao 12ha thì ông L không hề nghe ông G hay ai nói gì về việc ông G có hùn vốn với ai khác để mua ao 12ha của ông B.

Nay ông N khởi kiện anh Lê Văn Đ yêu cầu phải thanh toán tổng số tiền là 392.000.000 đồng mà ông N đã đầu tư ao 12ha thì ông L không đồng ý. Vì anh Lê Văn Đ không phải là người trực tiếp sử dụng và khai thác ao 12ha. Ông L đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông N.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Trần Xuân K trình bày:

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, ông K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông K đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai tại Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 35/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tuyên xử:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, 91; khoản 4, Điều 147; Điều 184; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 2 Điều 228; Điều 266 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 255, 256 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 155, 688 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí;

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng N về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” với anh Lê Văn Đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/12/2018, nguyên đơn ông Nguyễn Hồng N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm ngày 29/11/2018 và đơn kháng cáo (đã sửa đổi, bổ sung) ngày 02/01/2018 với nội dung kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu buộc Lê Văn Đ trả cho ông số tiền đầu tư và lợi nhuận từ cá là 392.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn cũng là người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án. Không đương sự nào cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn làm đơn kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét. Qua xem xét toàn bộ hồ sơ vụ án nhận thấy bản án sơ thẩm của TAND huyện Định Quán có căn cứ và đúng pháp luật. Ông N kháng cáo bản án nhưng không cung cấp chứng cứ để chứng minh nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, đương sự trong vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng N làm trong thời hạn và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm. Các ông Lê Văn Đ, ông Trần G, ông Trần Xuân K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Hồng N: Ông N kháng cáo yêu cầu chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc bị đơn anh Lê Văn Đ thanh toán số tiền đầu tư ao và tiền lợi nhuận từ cá trong 05 năm, tổng cộng là 392.000.0000 đồng.

[3] Xét thấy ông N khởi kiện đối với anh Lê Văn Đ do cho rằng anh Đ đã mua ao 12ha của ông Phạm Văn B tại Suối Tràn, xã La Ngà, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và việc này đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông N. Tuy nhiên qua các chứng cứ có tại hồ sơ đã thể hiện mặc dù anh Đ có cùng cha là ông Lê Văn L có ký tên trong hợp đồng thuê ao 12ha với ông Trần G ngày 23/3/2012 (BL 31) nhưng thực tế anh

Đ không quản lý sử dụng và khai thác ao. Cho thuê ao 12ha được khoảng một năm thì ông G đã bán ao cho ông L. Sau khi nhận chuyển nhượng ao 12ha từ ông G thì ông L là người trực tiếp quản lý, sử dụng và khai thác ao không phải anh Đ (anh Đ về thành phố Biên Hòa để đi làm công nhân). Điều này được người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L, ông Trần G khai nhận: “.... sau khi thuê ao do ông L là người trực tiếp quản lý, sử dụng và khai thác nên khoảng đầu năm 2013 ông G đã sang nhượng lại quyền khai thác, sử dụng ao cho ông L” (BL 26, 62, 124, 125). Đại diện chính quyền địa phương ông Trương Minh Ngọc là trưởng ấp 1, xã La Ngà, huyện Định Quán nhiệm kỳ 2010 – 2017 cũng xác nhận ông Lê Văn L là người trực tiếp quản lý, sử dụng ao 12ha từ khoảng năm 2012 cho đến khi không sử dụng nữa (BL 85).

[4] Việc ông N chỉ căn cứ vào sự việc anh Đ là người đã ngăn cản không cho ông N và đoàn đo đạc tiến hành đo ao 12ha, đồng thời trong hợp đồng thuê ao 12ha có anh Đ ký tên (BL 29) để khởi kiện đối với anh Đ, mà không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ gì khác chứng minh có sự việc anh Đ là người có hành vi xâm phạm quyền sở hữu, quyền chiếm hữu của ông N nên yêu cầu khởi kiện của ông N không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N là chính xác, có cơ sở và đúng quy định pháp luật, do vậy kháng cáo của ông N không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Hồng N, sinh năm: 1949 là người cao tuổi nên không phải chịu án phí theo quy định.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hồng N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, 91; khoản 4, Điều 147; Điều 184; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 2 Điều 228; Điều 266 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 255, 256 Bộ luật dân sự 2005; Điều 155, 688 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí;

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng N về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” với anh Lê Văn Đ.

2. Về án phí, chi phí tố tụng:

- Án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Hồng N không phải chịu án phí.
- Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Hồng N không phải chịu án phí.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện (2);
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Phụng